

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 7 Điều 48, khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 371, Điều 396, và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 80/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/5/2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1985; Hộ khẩu thường trú: phố HB, phường HB, quận HK, Thành phố H.

Chị Mai Thị H, sinh năm 1994; Hộ khẩu thường trú: phố HB, phường HB, quận HK, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Anh Nguyễn Hữu T và chị Mai Thị H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 26/02/2013 tại Ủy ban nhân dân phường HB, quận HK, Thành phố H. (Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2013, quyển số I/2011) đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị không hạnh phúc, đến nay tình cảm không còn nên anh chị cùng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn ngày 13

tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T và chị Mai Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Xác nhận anh T và chị H có 01 con chung là: Nguyễn Công Hữu Q - sinh ngày 19/3/2015. Sau khi ly hôn chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Anh T cấp dưỡng tiền nuôi con là 3.000.000đ (ba triệu đồng)/1 tháng kể từ tháng 6/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Hai anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

- Về nợ chung: Hai anh chị đều khai không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên Tòa án không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng lệ phí theo biên lai số 0017629 ngày 06/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS ND quận HK;
- UBND phường HB;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Nguyên

